

Số: 993/BC-TCKH

Thành phố Lai Châu, ngày 06 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 trình HĐND thành phố

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Công văn số 397/UBND-TCKH ngày 10/03/2017 của UBND thành phố Lai Châu về việc giao nhiệm vụ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách;

Căn cứ Tờ trình số 3918/TTr-UBND ngày 01/12/2021 của UBND thành phố Lai Châu đề nghị ban hành Nghị quyết dự toán thu NSNN trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022.

Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 trình HĐND thành phố như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ GIAO DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN

Tổng thu ngân sách địa phương: 422.087 triệu đồng (Bao gồm: Thu ngân sách trên địa bàn thành phố hưởng: 165.850 triệu đồng; thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 256.237 triệu đồng).

Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh giao 180.000 triệu đồng, dự toán thành phố giao 186.000 triệu đồng (thu cân đối giao tăng 6 tỷ đồng tương ứng tăng 6,8% so với dự toán giao thu cân đối của tỉnh), các chỉ tiêu thu ngân sách như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 186.000 triệu đồng

1.1. Thu thuế ngoài quốc doanh: 45.000 triệu đồng

1.2. Lệ phí trước bạ: 27.000 triệu đồng

1.3. Thuế thu nhập cá nhân: 8.500 triệu đồng

1.4. Thu phí, lệ phí: 3.000 triệu đồng

- Phí, lệ phí ngân sách Trung ương hưởng: 250 triệu đồng

- Phí, lệ phí ngân sách Tỉnh hưởng: 500 triệu đồng

- Phí, lệ phí ngân sách thành phố hưởng: 2.250 triệu đồng

1.5. Thu tiền sử dụng đất: 90.000 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh hưởng: 18.000 triệu đồng

- Ngân sách thành phố hưởng: 72.000 triệu đồng

1.6. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước: 9.500 triệu đồng

1.7. Thu khác ngân sách: 3.000 triệu đồng

- Ngân sách tỉnh hưởng: 1.400 triệu đồng

- Ngân sách thành phố hưởng: 1.600 triệu đồng

2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 256.237 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục III, V kèm theo)

II. DỰ TOÁN CHI VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSĐP

Tổng chi ngân sách địa phương là 422.087 triệu đồng, cụ thể như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán 64.337 triệu đồng, chiếm 14,4% tổng chi ngân sách địa phương, trong đó:

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: 19.847 triệu đồng

- Nguồn thu sử dụng đất: 44.490 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: Dự toán 317.229 triệu đồng, chiếm 75% tổng chi ngân sách địa phương, chi tiết như sau:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: 71.067 triệu đồng, bao gồm:

- Chi sự nghiệp nông nghiệp: 3.754 triệu đồng.

- Sự nghiệp giao thông: 600 triệu đồng

- Sự nghiệp thủy lợi: 3.000 triệu đồng

- Sự nghiệp kinh tế khác: 6.359 triệu đồng

- Hỗ trợ có mục tiêu: 54.314 triệu đồng.

- Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh: 3.040 triệu đồng

+ Bổ sung kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Quyết định 29/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND: 385 triệu đồng.

+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025: 2.655 triệu đồng.

2.2. Chi sự nghiệp môi trường theo Nghị quyết 44/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh: 3.000 đồng.

2.3. Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 161.736 triệu đồng, chiếm 38,3% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi sự nghiệp Giáo dục: 159.537 triệu đồng (Bao gồm các nội dung chi của biên chế sự nghiệp giáo dục, kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi theo

Nghị định 105/2020/NĐ-CP, kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP, hỗ trợ tiền nấu ăn tại các cơ sở giáo dục theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND, kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, THCS các xã khu vực II không hưởng theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP theo Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, kinh phí nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy và học cho giáo viên và học sinh thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới).

- Chi sự nghiệp đào tạo: 2.199 triệu đồng (Đã bao gồm các nội dung chi về chế độ tiền lương các khoản phụ cấp, chi hoạt động của Trung tâm chính trị; các khoản kinh phí đào tạo mở lớp và các chính sách đào tạo thu hút theo quy định).

2.4. Chi sự nghiệp văn hoá - thể thao: Dự toán 2.710 triệu đồng, chiếm 0,64% tổng chi ngân sách địa phương. (Đã bao gồm các nội dung chi: Tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, tổ chức lễ hội truyền thống, kinh phí Ban chỉ đạo Toàn dân ĐKXDĐSVH đô thị văn minh, kinh phí thực hiện Đề án 241-QĐ/TU về nâng cao hiệu quả chất lượng công tác tư tưởng Đảng bộ tỉnh, các hoạt động thể dục thể thao thường xuyên và các hoạt động tuyên truyền khác), trong đó:

- Chi sự nghiệp văn hoá: 2.090 triệu đồng
- Chi sự nghiệp thể thao: 620 triệu đồng

2.5. Chi sự nghiệp phát thanh: Dự toán 2.606 triệu đồng

2.6. Đảm bảo xã hội: Dự toán 5.703 triệu đồng (Đã bao gồm các nội dung chi: chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội Nghị định 20/2021/NĐ-CP, kinh phí thăm hỏi gia đình chính sách, hỗ trợ mai táng phí cho người có công, kỉ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sĩ, cấp thẻ HHYT cho các đối tượng bảo trợ xã hội, người có công và các khoản chi đảm bảo xã hội khác).

2.7. Chi Quản lý hành chính: Dự toán 33.385 triệu đồng, chiếm 7,9% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi hoạt động Quản lý Nhà nước: 19.746 triệu đồng
- Chi Ngân sách Đảng: 9.485 triệu đồng
- Khối đoàn thể: 4.154 triệu đồng

2.8. Chi An ninh - Quốc phòng: Dự toán 5.426 triệu đồng, chiếm 1,2% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó:

- Chi hỗ trợ An ninh địa phương: 800 triệu đồng

PHÒNG
TÀI CHÍNH
KẾ HOẠCH

- Chi Quốc phòng địa phương: 4.626 triệu đồng (Đã bao gồm kinh phí huấn luyện dân quân, tự vệ và dự bị động viên, kinh phí diễn tập phòng thủ, kinh phí thực hiện các chế độ theo Nghị định 72/2020/NĐ-CP).

2.9. Chi ngân sách xã: Dự toán 30.566 triệu đồng, chiếm 7,2% tổng chi ngân sách địa phương (Đã đảm bảo toàn bộ các chính sách của công chức chuyên trách, phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của Ủy ban MTTQVN cấp xã theo Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND, kinh phí hỗ trợ Ban công tác Mặt trận các khu dân cư, kinh phí hội đồng giáo dục pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật, hoạt động tổ hoà giải cơ sở, kinh phí hỗ trợ người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, kinh phí thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách xã, phường)

2.10. Chi khác ngân sách: Dự toán 1.030 triệu đồng (Bao gồm kinh phí hoạt động Ban chỉ đạo công tác tôn giáo, quy chế dân chủ ở cơ sở, bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân và hỗ trợ kinh phí hoạt động của các cơ quan, đơn vị ngành dọc thực hiện nhiệm vụ của địa phương).

3. Dự phòng ngân sách: 4.686 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách thành phố: 3.935 triệu đồng

- Dự phòng ngân sách cấp xã: 751 triệu đồng

4. Tăng thu ngân sách năm 2022: 6.000 triệu đồng. Trong đó:

- 70% tăng thu để cải cách tiền lương theo quy định: 4.200 triệu đồng.

- 30% tăng thu để đầu tư và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng theo quy định của Luật NSNN năm 2015: 1.800 triệu đồng.

5. Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ phát sinh trong năm: 3.441 triệu đồng

6. Nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ: 26.394 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục IV, VI kèm theo)

III. GIẢI PHÁP ĐIỀU HÀNH NGÂN SÁCH

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2022, quán triệt sâu sắc các định hướng, quan điểm, chủ trương theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Lai Châu lần thứ IV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và tiếp tục triển khai có hiệu quả các Đề án, Nghị quyết chuyên đề của Đảng bộ, HĐND thành phố, các Kết luận của Thành uỷ. Thành phố cần tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, cá nhân tham gia các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn, tạo nguồn thu và nuôi dưỡng nguồn thu; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, kịp thời thanh toán vốn đầu tư và thu thuế XDCB vào NSNN.

1.2. Tổ chức thực hiện tốt các Luật thuế và nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất kinh doanh hàng giả, kê khai thuế không đầy đủ, trốn thuế, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế.

1.3. Tổ chức tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật về thuế, phí, lệ phí để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hiểu rõ về quyền lợi, nghĩa vụ nộp thuế của mình; hỗ trợ tư vấn pháp luật về thuế cho cộng đồng xã hội, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân nộp thuế. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính thuế nhằm giảm thời gian, chi phí cho người nộp thuế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể sản xuất kinh doanh phát triển.

1.4. Quản lý tốt nguồn thu, theo dõi đầy đủ nợ đọng thuế, tập trung quyết liệt các giải pháp thu nợ đọng thuế, rà soát, kiểm tra phân loại nợ đọng thuế để có biện pháp đôn đốc thu và xử lý kịp thời; khai thác tốt các nguồn thu và thu đúng, thu đủ vào NSNN. Thực hiện tốt quy chế phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác thu ngân sách và xử lý nghiêm các vi phạm về thuế.

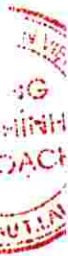
1.5. Tổ chức thu các khoản phí, lệ phí, lệ phí trước bạ, rà soát giá thị trường để có biện pháp thiết thực, hiệu quả trong công tác thu về chuyển nhượng nhà đất, chuyển nhượng mua bán tài sản có đăng ký quyền sử dụng đất tránh tình trạng kê khai quá thấp gây thất thu NSNN.

1.6. Chi cục thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường rà soát danh sách các hộ kinh doanh để kê khai doanh thu đồng thời tuyên truyền các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước; tiếp tục rà soát các hộ gia đình được giao đất TĐC, các hộ dân được cấp giấy chứng nhận QSD đất để tổ chức tuyên truyền, vận động, đôn đốc thu nộp NSNN theo đúng quy định.

1.7. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, đôn đốc thu kịp thời các khoản phải thu theo kiến nghị, kết luận của thanh tra, kiểm toán. Tập trung xử lý thu hồi nợ đọng thuế theo quy định.

2. Về chi ngân sách

2.1. Về chi thường xuyên: Điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao; quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên được giao theo đúng dự toán, đúng chính sách chế độ, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường



xuyên của từng cơ quan, đơn vị, xã, phường, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Thực hiện nghiêm túc Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Luật phòng, chống tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách xã hội, các chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, các đối tượng hưởng chính sách xã hội.

- Trên cơ sở dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ trong năm. Hạn chế tối đa các khoản chi phát sinh phải bổ sung dự toán từ ngân sách, trừ các trường hợp thực hiện chế độ, chính sách, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm; thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng tài sản công; Thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên (*sau khi đã loại trừ tiền lương và các chính sách theo quy định*) để tạo nguồn cải cách tiền lương. Thực hiện nghiêm chế độ công khai tài chính, ngân sách đối với tất cả các nguồn vốn từ NSNN và nguồn vốn huy động đóng góp, công khai mua sắm tài sản công theo đúng quy định.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, phát hiện và xử lý kịp thời những sai phạm.

2.2. Về chi đầu tư

- Thực hiện nghiêm túc Luật đầu tư công và các quy định về quản lý vốn đầu tư nguồn NSNN. Thực hiện kỷ cương, kỷ luật trong lĩnh vực đầu tư công đảm bảo chặt chẽ, hiệu quả; rà soát, sắp xếp danh mục các công trình, dự án đầu tư phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp, hạn chế các dự án khởi công mới, không để nợ đọng vốn đầu tư.

- Chủ động giải quyết những vướng mắc khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng đảm bảo tiến độ xây dựng công trình. Thực hiện việc tạm ứng vốn công trình và hoàn ứng theo đúng quy định, tổ chức nghiệm thu khối lượng theo từng giai đoạn đảm bảo tiến độ giải ngân và thanh toán khối lượng hoàn thành để thanh toán thu hồi tạm ứng.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong đầu tư xây dựng cơ bản, xử lý kịp thời những sai phạm trong quản lý, thanh toán vốn đầu tư.

Trên đây là báo cáo công khai số liệu, thuyết minh dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2022 trình HĐND thành phố./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Lai Châu;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Đặng Thị Tuyền



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 993/BC-TCKH ngày 06 /12/2021 của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (1)
A	B	I	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	442.875	560.948	422.087	75
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	177.950	177.950	165.850	93
-	Thu NSDP hưởng 100%	107.950	107.950	93.850	87
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	70.000	70.000	72.000	103
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	264.925	268.925	256.237	95
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	153.680	153.680	256.237	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	111.245	114.875		
3	Thu bổ sung vốn CTMT quốc gia		370		
III	Thu kết dư		2.716		
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		111.357		
B	TỔNG CHI NSDP	442.875	466.164	422.087	95
I	Tổng chi cân đối NSDP	442.875	465.225	422.087	95
1	Chi đầu tư phát triển	81.434	86.630	64.337	79
2	Chi thường xuyên	339.365	375.869	317.229	93
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Nguồn tăng thu	8.700		6.000	69
5	Dự phòng ngân sách	3.165		4.686	148
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
7	Nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ	7.000		26.394	377

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (1)
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
8	Chi cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	3.211		3.441	107
9	Chi nộp trả ngân sách cấp trên		2.726		
II	Chi các chương trình mục tiêu		939		
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		749		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		190		
III	Chi chuyển nguồn ngân sách				

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022**

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 993 /BC-TCKH ngày 06 /12/2021 của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ				
I	Nguồn thu ngân sách	441.378	560.948	420.731	95
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	176.453	177.950	164.494	93
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	264.925	268.925	256.237	97
-	<i>Thu bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>153.680</i>	<i>153.680</i>	<i>193.509</i>	
-	<i>Thu bổ sung có mục tiêu</i>	<i>111.245</i>	<i>114.875</i>	<i>62.728</i>	
-	<i>Thu bổ sung vốn CTMTQG</i>	<i>0</i>	<i>370</i>		
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính (1)				
4	Thu kết dư		2.716		
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		111.357		
II	Chi ngân sách	441.378	466.164	420.731	95
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	409.203	434.883	383.742	94
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	32.175	31.281	36.989	115
-	<i>Chi bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>32.175</i>	<i>31.281</i>	<i>36.989</i>	<i>115</i>
-	<i>Chi bổ sung có mục tiêu</i>				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	33.672	33.528	38.345	114
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.497	1.497	1.356	91
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	32.175	31.281	36.989	115

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh
A	B	1	2	3	4
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	32.175	31.281	36.989	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		0		
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		750		
II	Chi ngân sách	33.672	33.528	38.345	114
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	33.672	33.528	38.345	
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 993 /BC-TCKH ngày 06 /12/2021 của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	190.000	177.950	186.000	165.850	98	93
I	Thu nội địa	190.000	177.950	186.000	165.850	98	93
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	54.270	54.270	45.000	45.000	83	83
5	Thuế thu nhập cá nhân	8.155	8.155	8.500	8.500	104	104
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	27.000	27.000	27.000	27.000	100	100
	<i>NS thành phố</i>	26.447	26.447	26.394	26.394		
	<i>NS xã, phường</i>	553	553	606	606		
8	Thu phí, lệ phí	3.000	2.550	3.000	2.250	100	88
-	<i>Phí, lệ phí trung ương</i>	450		250			
-	<i>Phí, lệ phí tỉnh</i>			500			
-	<i>Phí, lệ phí huyện</i>	2.055	2.055	1.929	1.929		
-	<i>Phí, lệ phí xã, phường</i>	495	495	321	321		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	14.800	14.800	9.500	9.500	64	64
12	Thu tiền sử dụng đất	80.000	70.000	90.000	72.000	113	103
-	<i>NS tỉnh</i>	10.000		18.000			
-	<i>NS thành phố</i>	70.000	70.000	72.000	72.000		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
16	Thu khác ngân sách	2.775	1.175	3.000	1.600	108	136
-	NS trung ương, tỉnh hưởng	1.600		1.400			
-	NS thành phố	1.000	1.000	1.171	1.171		
-	NS xã, phường	175	175	429	429		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
II	Thu viện trợ						

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ, PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 093 /BC-TCKH ngày 06 /12/2021 của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách xã, phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	422.087	383.742	38.345
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	422.087	383.742	38.345
I	Chi đầu tư phát triển	64.337	64.337	
1	Chi đầu tư cho các dự án	64.337	64.337	
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	19.847	19.847	
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	44.490	44.490	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác	-		
II	Chi thường xuyên	317.229	279.635	37.594
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	161.736	161.736	
2	Chi khoa học và công nghệ (2)			
III	Dự phòng ngân sách	4.686	3.935	751
IV	Nguồn tăng thu	6.000	6.000	
	- 70% tăng thu để CCTL	4.200	4.200	
	- Tăng thu để đầu tư các nhiệm vụ quan trọng theo quy định	1.800	1.800	

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách xã, phường
V	Nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ	26.394	26.394	
VI	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	3.441	3.441	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU NHIỆM VỤ	-	-	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 995/BC-TCKH ngày 06/12/2021 của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	<u>422.087</u>
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ	<u>38.345</u>
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC	<u>383.742</u>
I	Chi đầu tư phát triển	64.337
1	Chi đầu tư cho các dự án	64.337
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	19.847
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi bảo vệ môi trường	
-	Chi các hoạt động kinh tế	43.244
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	1.246
-	Chi bảo đảm xã hội	
-	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	279.635
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	161.736

STT	Nội dung	Dự toán
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	2.497
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.606
-	Chi các hoạt động kinh tế	69.927
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	32.126
-	Chi bảo đảm xã hội	5.469
-	Chi thường xuyên khác	940
III	Dự phòng ngân sách	3.935
IV	Nguồn tăng thu	6.000
	- 70% tăng thu để CCTL	4.200
	- Tăng thu để đầu tư các nhiệm vụ quan trọng theo quy định	1.800
V	Nguồn thu sử dụng đất năm 2022 chưa phân bổ	26.394
VI	Cân đối để thực hiện các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm	3.441
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: **993** /BC-TCKH ngày **06/12/2021** của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	381.595	64.337	316.207	1.051	-	-	-	-	-
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN Ban quản lý dự án thành phố Trung tâm phát triển quỹ đất	64.337 64.303	64.337 64.303							
		34	34							
II	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC <i>Trong đó:</i>	317.258		316.207	1.051	-	-	-	-	-
	Khởi các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố	272.944		272.644	300	-	-	-	-	-
I	Văn phòng HĐND-UBND	10.797		10.497	300					
	Văn phòng Thành ủy	8.387		8.387						
	Phòng Quản lý đô thị	28.332		28.332						
	Phòng Nội vụ	3.324		3.324						
	Phòng Tài chính - KH	3.491		3.491						
	Phòng Tài nguyên & MT	22.256		22.256						
	Phòng Kinh tế	12.416		12.416						
	Phòng Tư Pháp	788		788						
	Phòng LĐ-TBXH	6.992		6.992						
	Phòng Văn hóa và thông tin	767		767						
	Thanh tra thành phố	808		808						
	Phòng Giáo dục và đào tạo	159.104		159.104						

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.243		2.243						
	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông thành phố	5.097		5.097						
	Trung tâm phát triển quỹ đất	870		870						
	Đội quản lý trật tự đô thị	1.443		1.443						
	Hội chữ thập đỏ	385		385						
	Trung tâm Chính trị	911		911						
	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	1.229		1.229						
	Đoàn thanh niên	735		735						
	Hội phụ nữ	835		835						
	Hội nông dân	1.016		1.016						
	Hội cựu chiến binh	601		601						
	Hội người cao tuổi	117		117						
2	Khối xã, phường	38.345		37.594	751					
	UBND phường Đoàn kết	5.584		5.475	109					
	UBND phường Tân Phong	6.126		6.006	120					
	UBND phường Quyết Thắng	4.649		4.558	91					
	UBND phường Quyết Tiến	5.035		4.936	99					
	UBND phường Đông Phong	4.896		4.800	96					
	UBND xã San Thàng	5.273		5.170	103					
	UBND xã Sùng Phái	6.782		6.649	133					
3	Các đơn vị hỗ trợ khác	1.635		1.635						
	Liên đoàn lao động	60		60						
	Chi cục thuế thành phố	350		350						
	Viện kiểm sát nhân dân thành phố	70		70						
	Chi cục Thi hành án dân sự thành phố	85		85						
	Tòa án nhân dân thành phố	70		70						
	Ngân hàng chính sách xã hội	1.000		1.000						

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TÒ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 993 /BC-TCKH ngày 06/12/2021 của phòng Tài chính -KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	TRONG ĐÓ:											
			Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi sự nghiệp môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội
A	B	1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	64.337	19.847	-	-	500	-	-	-	43.210	39.460	-	746	-
1	Ban quản lý dự án thành phố	64.303	19.847			500				43.210	39.460		746	
2	Trung tâm phát triển quỹ đất	34								34				

**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUUYÊN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 995 /BC-TCKH ngày 06 /12/2021 của phòng Tài chính - KH TP Lai Châu)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi sự nghiệp môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	1	2	3	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
II	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	317.258	161.736	-	-	2.060	2.606	680	23.000	49.075	600	1.539	64.378	5.581
	<i>Trong đó:</i>													
I	Khởi các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố	272.944	161.736	-	-	1.847	2.606	620	21.510	46.425	-	899	32.553	5.347
	Văn phòng HĐND-UBND	10.797							950	716			8.831	
	Văn phòng Thành ủy	8.387	430										7.957	
	Phòng Quản lý đô thị	28.332							480	26.770			1.082	
	Phòng Nội vụ	3.324	1.437										1.887	
	Phòng Tài chính - KH	3.491								1.710			1.781	
	Phòng Tài nguyên & MT	22.256							20.080	1.116			1.060	
	Phòng Kinh tế	12.416								11.015		899	1.401	
	Phòng Tư Pháp	788											788	
	Phòng LĐ-TBXH	6.992	591							25			1.079	5.297
	Phòng Văn hóa và thông tin	767								45			722	
	Thanh tra thành phố	808											808	
	Phòng Giáo dục và đào tạo	159.104	158.367										737	
	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.243								2.215			28	
	Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thông	5.097				1.837	2.606	620					34	

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ, PHƯỜNG NĂM 2022

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số: 993/BC-TCKH ngày 06/12/2021 của phòng Tài chính - KH TP Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
			Chia ra		Thu NS xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
			Tổng số	Thu NS xã hưởng 100%						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	
	TỔNG SỐ	1.760	1.356	429	962	36.989			38.345	
1	Phường Đoàn Kết	420	311	55	256	5.273			5.584	
2	Phường Tân Phong	564	442	157	285	5.684			6.126	
3	Phường Quyết Thắng	62	51	25	26	4.598			4.649	
4	Phường Quyết Tiến	185	140	35	105	4.895			5.035	
5	Phường Đông Phong	303	223	35	223	4.673			4.896	
6	Xã San Thàng	200	168	112	56	5.105			5.273	
7	Xã Sùng Phái	26	21	10	11	6.761			6.782	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Dự toán trình Hội đồng nhân dân

(Kèm theo Báo cáo số 993 /BC-TCKH ngày 06/12/2021 của phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Lai Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số QĐ đầu tư (ngày, tháng năm ban hành)	Quyết định đầu tư				Lấy kế KLTH từ khởi công đến 31/12/2021				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021				Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022		Ghi chú
						Tổng mức đầu tư (sau điều chỉnh nếu có)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
							NSTW	NSDP và vốn khác		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
KẾ HOẠCH VỐN GIAO NĂM 2022																				
A LINH VỰC HẠ TẦNG - KỸ THUẬT																				
1	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN					120.000	-	120.000	74.330	-	74.330	50.000	-	50.000	3.750	-	3.750			
* Dự án chuyển tiếp																				
1	Khu Lâm viên thành phố Lai Châu	Tp. Lai Châu	CT HTKT, nhóm B, cấp II	2018-2022	Số:1649 26/12/2017	120.000	-	120.000	74.330	-	74.330	50.000	-	50.000	3.750	-	3.750			
B LINH VỰC GIAO THÔNG - THUY LỢI																				
1 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN																				
a Dự án chuyển tiếp																				
1	Cải tạo đường Thanh Niên	Tp. Lai Châu	CTGT cấp IV	2018-2020	1803 30/10/2017	10.900	-	10.900	10.844	-	10.844	10.844	-	10.844	210	-	210			
2	Đường Đinh Bộ Lĩnh Tp. Lai Châu	Tp. Lai Châu	CTGT cấp IV	2018-2020	1809 30/10/2017	31.619	-	31.619	10.831	-	10.831	21.953	-	21.953	6.250	-	6.250			
3	Tuyến đường từ QL4D đến bản Tả Chải, Trung Chải xã Sùng Phái	Tp. Lai Châu	CTHTKT cấp III	2021-2023	1252 03/8/2021	38.000	-	38.000	1.300	-	1.300	1.300	-	1.300	25.000	-	25.000			
b Dự án khởi công mới năm 2022																				
1	Nâng cấp tuyến đường từ ngã 5 bản Cư nhà La đến khu đội 5 giao với Đại lộ Lê Lợi	Tp. Lai Châu	Nhóm C	2022-2023		14.000	-	14.000	-	-	-	-	-	-	8.000	-	8.000			
C LINH VỰC GIAO DƯC - ĐÀO TẠO																				
1	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN					76.000	-	76.000	15.717	-	15.717	48.395	-	48.395	19.847	-	19.847			

TT	Đanh mục công trình, dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế KL,TH từ khởi công đến 31/12/2021		Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2021		Dự kiến kế hoạch vốn năm 2022		Ghi chú
					Số QĐ đầu tư (ngày, tháng năm ban hành)	Tổng mức đầu tư (sau điều chỉnh nếu có)	NSTW	NSDP và vốn khác	Tổng số	Trong đó NSTW	NSDP	Tổng số	Trong đó NSTW	NSDP	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>														
1	Trường Tiểu học Đoàn Kết	Tp. Lai Châu	Dàn dựng cấp III;	2020-2022	1697-25/12/2020	35.000	35.000	12.717	12.717	26.325	26.325	8.110	8.110	8.110	Lồng ghép nguồn thu SD đất 17.267 trđ
2	Điểm trường mầm non - tiểu học bản Sùng Phài, xã Sùng Phài	X. Sùng Phài	CT DD cấp III	2021-2022	451 ngày 27/5/2021	12.000	12.000	3.000	3.000	5.918	5.918	4.810	4.810	4.810	Lồng ghép nguồn XSKT 650 trđ, nguồn thu SD đất 1.800 trđ
3	Nhà lớp học Trường THCS Đông Phong	P. Đông Phong	CT DD cấp III	2021-2022	364a ngày 29/4/2021	10.000	10.000	-	-	9.440	9.440	337	337	337	Lồng ghép vốn thu SD đất 5.700 trđ
4	Trường Tiểu học - THCS Sùng Phài	X. Sùng Phài	CT DD cấp III	2021-2023	Số 2181, 15/11/2021	19.000	19.000	-	-	6.712	6.712	6.590	6.590	6.590	
D	LĨNH VỰC VĂN HÓA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN					500	500	-	-	-	-	500	500	500	
a	<i>Dự án khởi công mới năm 2022</i>					500	500	-	-	-	-	500	500	500	
I	Nhà văn hóa tổ dân phố số 9, phường Quyết Thắng	Tp. Lai Châu	Nhóm C	2022		500	500	-	-	-	-	500	500	500	
E	BỒI THƯỜNG - GPMB					3.651	3.651	3.646	3.646	3.617	3.617	34	34	34	
I	TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT					3.651	3.651	3.646	3.646	3.617	3.617	34	34	34	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>														
I	Mở rộng nâng cấp chợ trung tâm thành phố (kinh phí bồi thường)	Tp. Lai Châu		2017-2020		3.651	3.651	3.646	3.646	3.617	3.617	34	34	34	
F	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					12.500	12.500	7.683	7.683	9.554	9.554	746	746	746	
I	BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN					12.500	12.500	7.683	7.683	9.554	9.554	746	746	746	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>														
I	Trụ sở phường Đoàn Kết	Tp. Lai Châu	CTDD cấp III	2020-2021	1753 31/10/2019	12.500	12.500	7.683	7.683	9.554	9.554	746	746	746	